

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới sáng tạo

Trần Nguyễn Mỹ Linh^(*)

Nguyễn Thị Hồ Diệp^(**)

Tóm tắt: Đổi mới sáng tạo được coi là động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững. Đây cũng là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế Việt Nam nhằm đạt mục tiêu phấn đấu “trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI”. Trước yêu cầu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư hiện nay, việc đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đang là yêu cầu cấp thiết. Bài viết thông tin một số quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới sáng tạo và một số giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong thời gian tới theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng.

Từ khóa: Đổi mới sáng tạo, Khoa học công nghệ, Nghị quyết Đại hội XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam

Abstract: Innovation is considered as a new motive force for rapid and sustainable development. This issue is also an important force for economic development in Vietnam in order to achieve the goal of “becoming a developed, socialist-oriented country by the middle of the twenty-first century”. Facing the demands of the current Industrial Revolution 4.0, the application of science, technology and innovation for economic development is an urgent requirement. The article will provide some guiding views of the Communist Party of Vietnam on innovation and some solutions to promote innovation in the spirit of the Party’s Resolution in the coming time.

Keywords: Innovation, Science and Technology, Resolution XIII, Communist Party of Vietnam

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, vai trò của khoa học và công nghệ (KH&CN) từng bước được khẳng định. KH&CN trong bối cảnh cuộc Cách mạng

Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã và đang làm thay đổi sâu sắc nền sản xuất và kinh tế toàn cầu theo hướng thông minh hơn, hiệu quả hơn với tốc độ phát triển nhanh chưa từng có. Những thành tựu của KH&CN đã đóng góp đáng kể trong thúc đẩy tốc độ tăng trưởng nói riêng và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: trannguyenmylinh@gmail.com

^(**) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

trường và phát triển bền vững đất nước¹. Trong nhiều văn kiện, nghị quyết của Đảng, KH&CN được coi là quốc sách hàng đầu, là nền tảng, động lực phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định các mục tiêu cụ thể cho sự phát triển của đất nước trong những năm tới: “đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, 2021: 206). Để thực hiện thành công ý chí, khát vọng phát triển đất nước, nhiều chương trình hành động đã được đề ra, trong đó chủ trương đổi mới sáng tạo (ĐMST) được xác định là một trong những đột phá chiến lược của đất nước trong bối cảnh của cuộc CMCN 4.0.

2. Vấn đề ĐMST

ĐMST với triết lý không có gì là không thể là thuộc tính quan trọng của CMCN 4.0, phản ánh tư duy và phương thức phát triển mới mang tính phổ biến của toàn nhân loại. ĐMST đã được các nhà kinh tế học cổ điển như K. Marx (1818-1883), D. F. List (1789-1846), T.B. Veblen (1857-1929) nghiên cứu từ khá sớm. Đến năm 1934, J.A. Schumpeter đưa ra nghiên cứu khẳng định: doanh nghiệp được coi là động lực của nền kinh tế và ĐMST sẽ đem lại một quá trình phá hủy có tính sáng tạo (creative destruction). Theo

ông, đây là bản chất của sự phát triển kinh tế. Nói cách khác, phát triển là sự xáo trộn lưu chuyển tuần hoàn, xảy ra trong hoạt động kinh tế, thương mại. Đây là quá trình xác định bằng việc thực hiện những kết hợp mới trong sản xuất, và do các doanh nghiệp tiến hành. Điểm quan trọng nhất trong chủ thuyết của Schumpeter là quan niệm cho rằng sự cạnh tranh dựa trên đổi mới liên tục của các doanh nghiệp chứ không phải là bằng giá cả trong lý thuyết kinh tế tân cổ điển mới là đặc điểm quan trọng nhất của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa (Schumpeter, 1934).

ĐMST và tăng trưởng kinh tế được nghiên cứu rõ nét hơn từ cuối những năm 1950. Các nghiên cứu cho thấy nhân tố quan trọng nhất lý giải cho sự tăng trưởng kinh tế không chỉ là việc tăng các nhân tố sản xuất thông thường (lao động và vốn) mà chính là khả năng khai thác các lợi ích hay giá trị kinh tế của các sáng chế và tiến bộ về KH&CN.

Theo Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD, 2005), ĐMST là việc ứng dụng sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ) mới hoặc có cải tiến đáng kể, hoặc có quy trình, phương pháp quảng cáo mới hoặc phương pháp tổ chức mới trong việc thực hiện kinh doanh, tổ chức làm việc hoặc mối quan hệ bên ngoài. Còn theo quan điểm của R.R. Nelson (1993), ĐMST là quá trình chuyển ý tưởng thành sản phẩm mới hoặc sản phẩm hoàn thiện để đưa ra thị trường, thành quy trình đưa vào hoạt động hoặc hoàn thiện trong công nghiệp và thương mại, hoặc đưa ra cách tiếp cận mới về dịch vụ xã hội. Có thể thấy định nghĩa này về ĐMST khá toàn diện, nhấn mạnh vào việc chuyển ý tưởng thành sản phẩm, quy trình cho sản xuất, kinh doanh và lợi ích xã hội.

Luật Khoa học và Công nghệ (Luật số 29/2013/QH13, ngày 18/6/2013) đã nêu rõ:

¹ Xem thêm: *KH&CN đã đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước*, Công thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 9/01/2018, https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7x5jBfqhCDAV/content/khoa-hoc-va-cong-nghe-a-ong-gop-lon-cho-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-at-nu-1; An Hạ (2022), *Vai trò của khoa học và công nghệ càng ngày rõ hơn trong phát triển kinh tế - xã hội*, Công thông tin điện tử Bộ Công Thương (MOIT) ngày 20/10/2022, <https://moit.gov.vn/khoa-hoc-va-cong-nghe/vai-tro-cua-khoa-hoc-va-cong-nghe-cang-ngay-ro-hon-trong-phat-trien-kinh-te-xa-hoi.html>;...

“Đổi mới sáng tạo là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu suất phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa”.

Tuy nhiên, ĐMST nhiều khi bị nhầm lẫn với khái niệm “sáng chế” (invention). Nghiên cứu của Trần Ngọc Ca (2021) chỉ ra, sáng chế có thể là một ý tưởng về một sản phẩm hoặc quy trình sản xuất sản phẩm mới. Sáng chế có thể được cấp bằng hoặc không và không phải có thể tạo ngay ra những sản phẩm hay quy trình mới được thị trường chấp nhận.. Đôi khi sáng chế và đổi mới gắn kết chặt chẽ với nhau đến mức khó phân biệt. Một điều đáng lưu ý nữa là khi sáng chế và hoạt động sáng tạo nói chung có thể diễn ra ở khá nhiều nơi và phổ biến nhất là ở các viện nghiên cứu và các trường đại học thì đổi mới lại chủ yếu diễn ra trong các doanh nghiệp. Để có thể biến ý tưởng thành một hoạt động đổi mới, doanh nghiệp thường cần phải kết hợp nhiều loại tri thức, khả năng, kỹ năng và nguồn lực khác nhau. Trần Ngọc Ca (2021) nhận định, ĐMST cần phải được phân biệt với khái niệm “sáng tạo” và điều này phần nào gắn với việc sử dụng khái niệm “innovation” bằng tiếng Việt. Theo tác giả, ĐMST nhất thiết không thể đánh đồng với khái niệm “sáng tạo”. Bên cạnh việc dịch chuyên ngữ, một cách khác có thể được cân nhắc là giữ nguyên từ “innovation” (tương tự như đối với thuật ngữ internet), một cách dùng mà những ngôn ngữ không có từ tương đương như tiếng Nga vẫn đang sử dụng “Innovaxia”. Còn trong nghiên cứu “Mô hình sáng tạo của tổ chức trong doanh nghiệp Việt Nam”, Phạm Thành Nghị (2012) cũng đã phân biệt sự khác nhau giữa đổi mới và sáng tạo. Sáng tạo được coi là thành tố ý tưởng, là giai đoạn tạo ra ý tưởng mới, bước

đầu tiên của quá trình đổi mới. Trong khi đó, đổi mới bao gồm cả thành phần ý tưởng và thành phần hoạt động áp dụng ý tưởng mới vào thực tiễn.

Có thể thấy, hiện nay ở Việt Nam có nhiều quan điểm khác nhau về thuật ngữ “ĐMST”. Hầu hết các khái niệm đề cập đến tiến trình phát triển các hoạt động nghiên cứu, phát triển các phát minh, sáng chế về công nghệ gắn liền với vai trò của các trung tâm nghiên cứu và thực hiện các sáng tạo công nghệ gắn với vai trò của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, ĐMST còn bao hàm chính sách và chiến lược công nghệ nhằm định hướng và phát huy vai trò của các yếu tố để tối đa hóa hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, các nghiên cứu đã đưa ra khái niệm tương đối bao quát về ĐMST, và đều cho rằng đây là một yếu tố then chốt cho sự thành công của doanh nghiệp nói riêng và cả quốc gia nói chung. Có thể nói, ĐMST về cơ bản là các kết quả trực tiếp của KH&CN. ĐMST có thể được định nghĩa là các cải tiến của sản phẩm, quy trình hay dịch vụ hiện có hoặc sự kết hợp giữa KH&CN để tạo ra sản phẩm, quy trình hay dịch vụ mới. Mục tiêu chính của ĐMST là giải quyết các vấn đề cụ thể hoặc tạo ra các lợi ích từ KH&CN. Trong bối cảnh CMCN 4.0, ĐMST và KH&CN có thể gắn kết chặt chẽ với nhau. Nền tảng của gắn kết là sự tương thích giữa chúng: cùng liên quan tới tri thức và cùng hướng vào giải quyết các vấn đề của sản xuất - kinh doanh. Trên cơ sở những thống nhất cơ bản, các khác biệt giữa ĐMST và KH&CN có khả năng bổ sung cho nhau để hình thành liên kết có hiệu quả. Gắn kết ĐMST với KH&CN tạo nên bước tiến và mang lại nhiều lợi ích khả năng. ĐMST và ứng dụng KH&CN có thể áp dụng tại nhiều nước, đồng thời, phát huy

ở các tầng nấc cao thấp khác nhau tùy theo yêu cầu đặt ra từ phía sản xuất và khả năng phát triển ĐMST và KH&CN. Lựa chọn mức độ phù hợp là vấn đề không thể coi nhẹ đối với những nước như Việt Nam. Do vậy có thể thấy ĐMST và KH&CN có vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.

3. Quan điểm ĐMST của Đảng

Đại hội VI năm 1986 của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới đất nước. Kể từ đó, những bài học vô cùng sâu sắc được đúc kết từ thực tiễn những năm đổi mới và việc tổng kết những mô hình mới, những cách làm sáng tạo của nhân dân đã được thực hiện. Bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sáng tạo được nâng lên tầm mức mới, dựa vào sự cải tiến, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào lãnh đạo, quản lý, sản xuất, kinh doanh, tạo ra sự phát triển trên các lĩnh vực, các khu vực, các địa bàn... Theo Phùng Hữu Phú (2020), trình độ sáng tạo giai đoạn này có bước tiến mới. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của đất nước gắn liền với quá trình đổi mới, sáng tạo bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân. Tuy nhiên, do trình độ KH&CN và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước còn thấp nên cấp độ, hiệu quả sáng tạo còn hạn chế, chưa đủ sức tạo ra những bước phát triển đột phá.

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “KH&CN giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại... Phát triển KH&CN nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 78). Điều này thể hiện sự tiếp tục phát triển nhận thức, các quan điểm lớn về phát triển KH&CN trong các giai đoạn

trước đây, từ Cương lĩnh năm 1991, Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII cho đến nay.

Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW (ngày 31/12/2012) “Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” với nhiều nội dung quan trọng. Trong đó, Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục khẳng định, phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một động lực quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết số 20-NQ/TW xác định 5 quan điểm chỉ đạo như sau: *Thứ nhất*, phát triển ứng dụng KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. *Thứ hai*, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN, cơ chế tài chính, cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Thứ ba*, đầu tư cho nhân lực KH&CN là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ KH&CN. *Thứ tư*, ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển KH&CN. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ. *Thứ năm*, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức KH&CN tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư nước

ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án KH&CN của Việt Nam.

Với tư duy nhạy bén, những năm qua Đảng và Nhà nước Việt Nam đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển KH&CN và ĐMST, nghiên cứu, nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0. Đặc biệt, trong Nghị quyết số 52-QĐ/TW ngày 27/9/2019 “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0”, Bộ Chính trị cũng đã nêu 4 quan điểm chỉ đạo: (1) Chủ động, tích cực tham gia cuộc CMCN 4.0 là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, đồng thời nhận thức đúng đắn, đầy đủ về nội hàm, bản chất của cuộc CMCN 4.0 để quyết tâm đổi mới tư duy, hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi, lộ trình phù hợp, là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội; (2) Phải nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội để nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội thông qua nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu tiên tiến của cuộc CMCN 4.0 cho các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; (3) Phải đổi mới tư duy về quản lý, xây dựng và hoàn thiện thể chế cho phù hợp. Cần có cách tiếp cận mở, sáng tạo, cho thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho ĐMST; (4) Phát huy tối đa các nguồn lực để chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0, xác định nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản lâu dài, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của toàn xã hội (Bộ Chính trị, 2019).

ĐMST về tư duy cần nắm vững và xử lý tốt quan hệ “kiên định và đổi mới, vận dụng sáng tạo” theo phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định phải gắn liền với sáng tạo và sáng tạo phải trên cơ sở kiên định, phù hợp với thực tiễn, với yêu cầu đổi mới, hội nhập, phát triển đất nước. Kiên định một cách máy móc thì dễ dẫn đến giáo điều, cứng nhắc, bảo thủ, trì trệ, nhưng nếu không kiên định mà ĐMST một cách vô nguyên tắc cũng rất dễ rơi vào chủ nghĩa xét lại, chệch hướng, “đổi màu” (Nguyễn Phú Trọng, 2020).

Năm 2021, tại Đại hội XIII của Đảng, đánh giá đầy đủ và toàn diện đóng góp của KH&CN và ĐMST vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn trước đó, Văn kiện Đại hội cũng đưa ra quan điểm phát triển cụ thể là: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào KH&CN, ĐMST và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc CMCN 4.0 gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển số, xã hội số, coi đây là quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, 2021: 214). Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục làm rõ nội dung, yêu cầu: “Có chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với xu thế chung của thế giới và điều kiện đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới, thích ứng với cuộc CMCN 4.0. Tiếp tục quán triệt, thực hiện nhất quán chủ trương KH&CN là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế” (Dẫn theo:

Hội đồng Lý luận Trung ương, 2021: 156). Trong bối cảnh đất nước hiện nay, Đảng coi trọng và ưu tiên chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh trọng yếu... Rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức KH&CN gắn với đổi mới toàn diện chính sách nhân lực KH&CN, ưu tiên thu hút nhân tài, các nhà khoa học có tâm huyết với công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước. Văn kiện cũng nêu rõ cần ưu tiên phát triển công nghệ số, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, Internet vạn vật, an ninh mạng, công nghệ môi trường chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế. Các ngành, các cấp có trách nhiệm trong việc thúc đẩy phát triển và ứng dụng tiến bộ KH&CN vào lĩnh vực theo quy định.

Đại hội Đảng XIII cũng nhấn mạnh phạm vi tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, nhất là nội dung liên quan đến ĐMST, CMCN 4.0 để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh KH&CN và ĐMST, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số (Dẫn theo: Hội đồng Lý luận Trung ương, 2021). Xác định rõ các chỉ tiêu, chương trình, hành động để ứng dụng và phát KH&CN và ĐMST trong mọi mặt hoạt động ở các cấp, các ngành, địa phương. Bên cạnh đó, Đại hội XIII của Đảng còn chỉ rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030: (1) Phải đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số trên nền tảng KH&CN; (2) Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có

tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kíp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực và thế giới (Đảng Cộng sản Việt Nam, tập1, 2021: 115).

Để phát huy và tăng cường tiềm lực KH&CN quốc gia, Văn kiện Đại hội XIII xác định cụ thể hơn, đó là: Phát triển một số ngành KH&CN mũi nhọn, trực tiếp góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách, phù hợp với điều kiện, nguồn lực của đất nước. Nâng cao năng lực hệ thống ĐMST quốc gia, cơ cấu lại các chương trình nghiên cứu KH&CN theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, lấy phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc làm mục tiêu.

Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện vai trò to lớn trong định hướng phát triển đất nước, ở thời điểm chuẩn bị kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, Việt Nam phấn đấu trở thành nước phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Để đạt được mục tiêu đó, vai trò của giáo dục và đào tạo, KH&CN có vị trí then chốt, vì thế những điểm mới về các vấn đề này có nhiều ý nghĩa sâu sắc. Cụ thể, đó chính là khẳng định tính kế thừa, sự nhất quán trong quan điểm của Đảng coi KH&CN là quốc sách hàng đầu để Việt Nam phát triển bền vững. Đồng thời, thể hiện sự nhanh nhạy của Đảng và Nhà nước khi tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, thành tựu của KH&CN phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam.

4. Giải pháp thúc đẩy phát triển ĐMST theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng

ĐMST là nguồn lực nội sinh, là chìa khóa để tạo đột phá trong phát triển, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, là công cụ then chốt trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, Báo cáo chính trị Đại hội XIII cũng chỉ rõ hạn chế cần khắc phục: “Hoàn thiện thể chế, đổi mới

mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 80). Ngoài ra, Văn kiện cũng chỉ ra quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả có mặt chưa cao, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài còn thiếu chọn lọc, sự kết nối và chuyển giao công nghệ giữa các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp trong nước còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, so với Văn kiện Đại hội XII, điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII là đã bổ sung thành tố “phát triển nhanh và bền vững đất nước”. Cụ thể, Văn kiện nhấn mạnh: “Phát triển nhanh và bền vững, dựa chủ yếu vào KH&CN, ĐMST và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc CMCN 4.0 gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Tập 1: 214). Để thực hiện tốt quan điểm này và khắc phục những hạn chế nêu trên, cần thực hiện những giải pháp sau:

Thứ nhất, tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển KH&CN và ĐMST. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để KH&CN và ĐMST đáp ứng yêu cầu là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bút phá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 2, 2021). Đặc biệt, phải tạo được những bước đột phá thực sự về thể chế để giải quyết những vấn

đề thực tiễn đang đặt ra, rất thiết thực như: khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, sử dụng đất, tài nguyên, tài sản công, tập trung phát triển công nghệ cao.

Thứ hai, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở nhận thức đây là nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Tạo bước chuyển căn bản nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiến bộ KH&CN và ĐMST, phát huy tiềm năng, lợi thế của các ngành, lĩnh vực, các địa phương và cả nước.

Thứ ba, tăng cường hợp tác quốc tế về kết nối số, chia sẻ dữ liệu, nâng cao hiệu quả các hình thức kết nối, hỗ trợ thương mại điện tử, chính phủ điện tử... vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, cần phải “đa dạng hóa hợp tác quốc tế, ưu tiên hợp tác với các đối tác chiến lược. Gắn hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ với mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh. Có chính sách hỗ trợ hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, 2021: 142).

Thứ tư, thúc đẩy hoạt động KH&CN và ĐMST trong doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, triển khai các cơ chế, chính sách để phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Tăng cường hỗ trợ hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp nhằm thúc đẩy liên kết các hoạt động KH&CN và ĐMST giữa các doanh nghiệp.

Thứ năm, phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức KH&CN khác trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh. Chú trọng xây dựng một số viện nghiên cứu thuộc các ngành và vùng kinh tế trở thành các trung tâm nghiên cứu ứng dụng và ĐMST phục vụ cho các ưu tiên phát triển kinh tế - kỹ thuật. Đồng thời, phát triển nguồn nhân lực về KH&CN có trình độ và năng lực sáng tạo cao, và tiếp tục tuyển chọn nhân lực gửi đi đào tạo ở các nước có nền khoa học tiên tiến nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

5. Kết luận

ĐMST là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Để thực hiện mục tiêu phát huy ý chí và sức mạnh đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nhất thiết cần dựa vào tri thức, KH&CN và đặc biệt là ĐMST, coi đây là yếu tố nội sinh, động lực quan trọng cho phát triển hệ giá trị quốc gia. Như vậy, trên cơ sở nhất quán các quan điểm chỉ đạo và thực hiện tốt các giải pháp sẽ góp phần quan trọng trong thực hiện thắng lợi những chỉ tiêu chủ yếu về ĐMST đến năm 2030 theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Hội đồng Lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện đại hội XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Luật Khoa học và Công nghệ (Luật số

29/2013/QH13), <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbqp/2013/08/29.pdf>, truy cập ngày 18/6/2013.

5. Nelson, R. R (1993), *National innovation systems: A Comparative Study*, Oxford University Press, Oxford.
6. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết của Bộ Chính trị về về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-52-nqtw-ngay-2792019-cua-bo-chinh-tri-ve-mot-so-chu-truong-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-cach-mang-cong-5715>
7. OECD (2005), *Guideline for collecting and interpreting innovation data*, 3rd edition, Oslo manual.
8. Phạm Thành Nghị (2012), “Mô hình sáng tạo của tổ chức trong doanh nghiệp Việt Nam”, Tạp chí *Tâm lý học*, số 12, tr.1-9.
9. Phùng Hữu Phú (2020), “Khát vọng phát triển đất nước và đổi mới sáng tạo - điểm nhấn của đại hội lần thứ XIII của Đảng”, Tạp chí *Cộng sản*, số 953, tr. 31-37.
10. Nguyễn Phú Trọng (2020), “Chuẩn bị và tiến hàng thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới”, Tạp chí *Con số và Sự kiện*, kỳ II, tháng 9, tr. 9-15.
11. Schumpeter, J. (1934), “The Theory of Economic Development: An Inquiry into Profits, Capital, Credit, Interest and Business Cycle”, *Harvard Economic Studies*, 46, 255 p.
12. Trần Ngọc Ca (2021), “Đổi mới sáng tạo: Một số vấn đề cần quan tâm”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 5, kỳ 1, tr. 10-16.